

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 74/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 12 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Quảng Ngãi năm 2024

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 20

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 880-QĐ/TU ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao chỉ tiêu biên chế giai đoạn 2022 - 2026 cho Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; Quyết định số 1292-QĐ/TU ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao chỉ tiêu biên chế năm 2024 cho Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

Xét Tờ trình số 183/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng người làm việc trong các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh để làm cơ sở cấp kinh phí hoạt động năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Phê duyệt số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024**

Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 21.806 người, trong đó:

- Các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh: 5.710 người;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: 15.964 người;
- Dự phòng: 132 người.

*(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)*

**Điều 2.** Tiếp tục giao bổ sung 286 biên chế giáo viên bậc mầm non và tiểu học năm học 2023 - 2024 cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thực hiện tinh giản biên chế đảm bảo theo quy định đến năm 2026.

*(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)*

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, đồng thời:

a) Thực hiện tinh giản số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đến năm 2026 đảm bảo tối thiểu 10% (*trương ứng giảm 2.329 biên chế*) so với biên chế giao năm 2022 theo các chủ trương, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Tổ chức Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

b) Chủ động cân đối, điều tiết số lượng người làm việc giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương đã được giao phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng đơn vị;

c) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phân bổ, tuyển dụng, quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập và xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khoá XIII Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Thị Quỳnh Vân**

**PHỤ LỤC 1****Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên của tỉnh Quảng Ngãi năm 2024***(Kèm theo Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

TT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2024					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				
			Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp văn hoá	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp khác	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
<b>I</b>	<b>CẤP TỈNH</b>	<b>5.710</b>	<b>2.841</b>	<b>143</b>	<b>2.353</b>	<b>373</b>	
<b>1</b>	<b>Văn phòng UBND tỉnh</b>	<b>15</b>				<b>15</b>	
-	Trung tâm Công báo và Tin học	15				15	
<b>2</b>	<b>Sở Nội vụ</b>	<b>10</b>				<b>10</b>	
-	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	10				10	
<b>3</b>	<b>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</b>	<b>65</b>				<b>65</b>	
-	Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi	42				42	
-	Trung tâm Điều dưỡng người có công	15				15	
-	Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ	1				1	
-	Quỹ Bảo trợ trẻ em	7				7	
<b>4</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	<b>205</b>				<b>205</b>	
-	Chi cục Kiểm lâm (biên chế sự nghiệp)	57				57	
-	Các Trạm Kiểm dịch động vật (Bình Sơn và Đức Phổ)	6				6	
-	Trung tâm Khuyến nông	31				31	
-	Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai	6				6	
-	Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn	10				10	
-	VP điều phối CTMTQG xây dựng Nông thôn mới	9				9	
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi	86				86	
<b>5</b>	<b>Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch</b>	<b>95</b>		<b>95</b>			
-	Trung tâm Văn hoá Nghệ thuật tỉnh	26		26			
-	Thư viện tổng hợp tỉnh	16		16			
-	Bảo tàng tỉnh	19		19			
-	Ban Quản lý Khu chứng tích Sơn Mỹ	9		9			
-	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao	25		25			
<b>6</b>	<b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>	<b>17</b>				<b>17</b>	
-	Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học, công nghệ	17				17	

TT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2024					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				
			Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp văn hoá	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp khác	
7	Sở Công Thương	14				14	
-	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	14				14	
8	Sở Tư pháp	23				23	
-	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước	23				23	
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	15				15	
-	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư	15				15	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo (các đơn vị sự nghiệp trực thuộc)	2.686	2.686				
11	Sở Y tế	2.353	0		2.353		
-	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	1.193			1.193		
-	Các Trạm y tế xã	1.160			1.160		
-	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	0	0				
12	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	152	152				
13	Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi	48		48			
14	Trạm Kiểm tra tải trọng xe lưu động	5				5	
15	Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi Diên Hồng tỉnh Quảng Ngãi	7	3			4	
<b>II</b>	<b>CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>	<b>15.964</b>	<b>15.529</b>	<b>195</b>	<b>0</b>	<b>240</b>	
1	Thành phố Quảng Ngãi	2.511	2.466	17	0	28	
2	Huyện Bình Sơn	2.103	2.062	12	0	29	
3	Huyện Sơn Tịnh	1.023	996	12	0	15	
4	Huyện Tư Nghĩa	1.411	1.374	16	0	21	
5	Huyện Nghĩa Hành	979	958	10	0	11	
6	Huyện Mộ Đức	1.496	1.466	15	0	15	
7	Thị xã Đức Phổ	1.563	1.536	12	0	15	
8	Huyện Sơn Tây	614	591	11	0	12	
9	Huyện Sơn Hà	1.156	1.130	11	0	15	
10	Huyện Minh Long	422	393	13	0	16	
11	Huyện Ba Tơ	1.084	1.044	17	0	23	
12	Huyện Lý Sơn	336	307	20	0	9	
13	Huyện Trà Bồng	1.266	1.206	29	0	31	
<b>III</b>	<b>Biên chế dự phòng</b>	<b>132</b>					
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+III)</b>	<b>21.806</b>	<b>18.370</b>	<b>338</b>	<b>2.353</b>	<b>613</b>	

**PHỤ LỤC 2**

**Tiếp tục giao bổ sung 286 biên chế giáo viên bậc mầm non và tiểu học năm học 2023 - 2024 cho UBND các huyện, thị xã, thành phố**  
(Kèm theo Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

<b>TT</b>	<b>Tên địa phương</b>	<b>Số lượng biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học tạm giao bổ sung</b>	<b>Ghi chú</b>
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
<b>I</b>	<b>Huyện Bình Sơn</b>	<b>32</b>	
1	Mầm non	32	
2	Tiểu học		
<b>II</b>	<b>Huyện Sơn Tịnh</b>	<b>17</b>	
1	Mầm non	17	
2	Tiểu học		
<b>III</b>	<b>Thành phố Quảng Ngãi</b>	<b>32</b>	
1	Mầm non	6	
2	Tiểu học	26	
<b>IV</b>	<b>Huyện Tư Nghĩa</b>	<b>13</b>	
1	Mầm non	6	
2	Tiểu học	7	
<b>V</b>	<b>Huyện Nghĩa Hành</b>	<b>10</b>	
1	Mầm non	10	
2	Tiểu học		
<b>VI</b>	<b>Huyện Mộ Đức</b>	<b>7</b>	
1	Mầm non	7	
2	Tiểu học		
<b>VII</b>	<b>Thị xã Đức Phổ</b>	<b>7</b>	
1	Mầm non	7	
2	Tiểu học		
<b>VIII</b>	<b>Huyện Ba Tơ</b>	<b>46</b>	
1	Mầm non	28	
2	Tiểu học	18	
<b>IX</b>	<b>Huyện Minh Long</b>	<b>4</b>	
1	Mầm non	2	
2	Tiểu học	2	
<b>X</b>	<b>Huyện Sơn Tây</b>	<b>16</b>	
1	Mầm non	16	
2	Tiểu học		
<b>XI</b>	<b>Huyện Sơn Hà</b>	<b>49</b>	
1	Mầm non	31	

TT	Tên địa phương	Số lượng biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học tạm giao bổ sung	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l</i>	<i>2</i>
2	Tiểu học	18	
<b>XII</b>	<b>Huyện Trà Bồng</b>	<b>43</b>	
1	Mầm non	35	
2	Tiểu học	8	
<b>XIII</b>	<b>Huyện Lý Sơn</b>	<b>10</b>	
1	Mầm non	10	
2	Tiểu học		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>286</b>	